

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI VÀ CHÀO PHÍ BẢO HIỂM

SẢN PHẨM : BẢO HIỂM SỨC KHỎE CAO CẤP – UIC PREMIER CARE

BẢO HIỂM GỐC : CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP

I/ ĐIỀU KIỆN THAM GIA

- ◆ Từ 60 ngày tuổi đến 65 tuổi (tái tục đến 72 tuổi với điều kiện là tái tục từ 65 tuổi với UIC)
- ◆ Không bị các bệnh lý về tâm thần, bệnh phong, ung thư, hội chứng DOWN
- ◆ Không bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên
- ◆ Không trong thời gian điều trị bệnh/ thương tật/ trong thời gian nằm viện

II/ BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I/ Quyền lợi chính : Là quyền lợi bắt buộc phải tham gia bao gồm những quyền lợi chi tiết như sau

- ◆ Nằm viện phẫu thuật do ốm bệnh & tai nạn
- ◆ Ngoại trú do tai nạn

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	D	E	F	G
Giới hạn lãnh thổ	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Số tiền bảo hiểm tối đa	1,050,000,000	2,100,000,000	3,150,000,000	4,200,000,000
ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ				
Tiền phòng/ngày (tối đa 60 ngày)	4,200,000	6,300,000	10,500,000	16,800,000
Phòng chăm sóc đặc biệt/lần điều trị (tối đa 30 ngày/thời hạn bảo hiểm)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí khám trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện	21,000,000	42,000,000	63,000,000	84,000,000
Chi phí điều trị sau khi xuất viện và y tá chăm sóc tại nhà (tối đa 90 ngày)	21,000,000	42,000,000	63,000,000	84,000,000
Chi phí phẫu thuật	525,000,000	1,050,000,000	1,575,000,000	2,100,000,000
Cấy ghép nội tạng (trả một lần trong đời)	630,000,000	840,000,000	1,260,000,000	2,100,000,000
Chi phí bệnh viện tổng hợp (Các chi phí về dịch vụ và vật tư cần thiết phát sinh trong thời gian nằm viện)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Trợ cấp nằm viện/đêm đối với bệnh viện tư nhân (Tối đa 20 đêm/thời hạn bảo hiểm)	105,000	210,000	315,000	420,000
Trợ cấp nằm viện/đêm đối với bệnh viện công (Tối đa 20 đêm/thời hạn bảo hiểm)	315,000	420,000	630,000	840,000
Chi phí y tế vật lý trị liệu (tối đa 60 ngày mỗi thời hạn bảo hiểm)	2,100,000	4,200,000	6,300,000	8,400,000
Rối loạn tâm thần cấp tính	Không	21,000,000/ năm 210,000,000.00/ cả đời	31,500,000/ năm 210,000,000.00/ cả đời	42,000,000/ năm 210,000,000.00/ cả đời

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ				
Điều trị ngoại trú do tai nạn	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
CÁC CHI PHÍ KHÁC				
Điều trị răng cấp cứu do tai nạn	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị thai sản cấp cứu do tai nạn	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị cấp cứu khác	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Giới hạn phụ áp dụng với bệnh đặc biệt/bệnh/cả đời (Áp dụng cho cả điều trị nội và ngoại trú, xe cứu thương, chi phí mai táng)	1,050,000,000	2,100,000,000	3,150,000,000	3,150,000,000
CHI PHÍ VẬN CHUYỂN Y TẾ CẤP CỨU				
Chi phí hồi hương thi hài	Không	63,000,000	84,000,000	105,000,000
Chi phí xe cứu thương	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển cấp cứu bằng taxi	630,000	1,050,000	1,050,000	1,050,000
Chi phí mai táng	10,500,000	21,000,000	21,000,000	21,000,000
Vận chuyển cấp cứu quốc tế	Không	Toàn bộ (tối đa 1,050,000,000/ sự kiện)	Toàn bộ (tối đa 1,575,000,000/ sự kiện)	Toàn bộ (tối đa 2,100,000,000/ sự kiện)

2/ Quyền lợi bổ sung

* Phạm vi lãnh thổ lựa chọn trong các quyền lợi bổ sung này phải bằng hoặc hẹp hơn phạm vi lãnh thổ đã lựa chọn trong quyền lợi chính

2.1/ Ngoại trú do ốm bệnh

LỰA CHỌN	2	3	4	5
Giới hạn địa lý	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Hạn mức trách nhiệm năm	31,500,000	63,000,000	84,000,000	126,000,000
Hạn mức một lần điều trị	2,835,000	5,670,000	6,720,000	7,560,000.00

2.2/ Chăm sóc răng

- ◆ Giới hạn địa lý: Lãnh thổ Việt Nam
- ◆ Tự bảo hiểm:
 - + Các chi phí khám-chữa răng (tự bảo hiểm 20%)
 - + Làm răng giả (tự bảo hiểm 50%)
- ◆ Chỉ được tham gia nếu đã tham gia quyền lợi ngoại trú

Lựa chọn	1	2
Hạn mức trách nhiệm năm	21,000,000	10,500,000

2.3/ Chăm sóc thai sản

- ◆ Chỉ bảo hiểm cho phụ nữ từ 19-45 tuổi
- ◆ Tự bảo hiểm 30% với viện tư nhân
- ◆ Trợ cấp VND 2,000,000 nếu sinh ở bệnh viện công
- ◆ Chỉ được tham gia nếu đã tham gia quyền lợi ngoại trú

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

LỰA CHỌN	1	2	3	4
Giới hạn lãnh thổ	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 2
Hạn mức trách nhiệm /năm	31,500,000	63,000,000	105,000,000	126,000,000

2.4/ Chết và tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm/bệnh

Giới hạn lãnh thổ	Viet Nam	Khu vực 3
Số tiền bảo hiểm	Tùy chọn từ 105,000,000.00 đến 1,050,000,000	

2.4/ Chết và tàn tật vĩnh viễn do tai nạn

Giới hạn lãnh thổ	Viet Nam	Khu vực 3
Số tiền bảo hiểm	Tùy chọn từ 105,000,000.00 đến 1,050,000,000	

III / PHÍ BẢO HIỂM
1/ Quyền lợi chính

Độ tuổi tham gia	D	E	F	G
Giới hạn lãnh thổ	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Từ 60 ngày tuổi – 06 tuổi	8,543,787	10,523,363	15,963,307	24,203,227
Từ 06 – 18 tuổi	4,918,620	6,548,850	8,897,616	11,763,675
Từ 18 – 25 tuổi	5,021,520	6,725,250	9,539,271	17,068,023
Từ 25 – 30 tuổi	5,103,840	7,541,100	10,737,027	19,057,154
Từ 30 – 35 tuổi	5,680,080	7,938,000	11,913,395	20,062,413
Từ 35 – 40 tuổi	7,429,380	9,150,750	13,881,137	21,046,284
Từ 40 – 45 tuổi	8,890,560	10,451,700	16,404,980	23,056,803
Từ 45 – 50 tuổi	9,672,600	13,009,500	19,249,650	25,045,934
Từ 50 – 55 tuổi	14,323,680	18,455,850	20,982,119	30,371,670
Từ 55 – 60 tuổi	16,258,200	20,925,450	23,826,789	34,456,874
Từ 60 – 65 tuổi	22,094,688	25,710,300	27,911,993	43,482,821
Từ 65 – 72 tuổi (*)	Áp dụng cho trường hợp tái tục liên tục, báo phí tùy trường hợp			

2/ Quyền lợi bổ sung
2.1/ Ngoại trú do ốm bệnh

Chương trình	1	2	3	4
Giới hạn địa lý	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Từ 60 ngày tuổi – 06 tuổi	6,520,500	8,404,200	9,660,000	13,041,000
Từ 06 – 18 tuổi	5,103,000	6,577,200	7,560,000	10,206,000
Từ 18 – 25 tuổi	4,819,500	6,211,800	7,140,000	9,639,000
Từ 25 – 30 tuổi	4,536,000	5,846,400	6,720,000	9,072,000
Từ 30 – 35 tuổi	4,819,500	6,211,800	7,140,000	9,639,000
Từ 35 – 40 tuổi	5,103,000	6,577,200	7,560,000	10,206,000
Từ 40 – 45 tuổi	5,670,000	7,308,000	8,400,000	11,340,000
Từ 45 – 50 tuổi	5,670,000	7,308,000	8,400,000	11,340,000
Từ 50 – 55 tuổi	6,237,000	8,038,800	10,718,400	13,860,000
Từ 55 – 60 tuổi	7,245,000	8,404,200	11,205,600	14,490,000
Từ 60 – 65 tuổi	7,875,000	9,135,000	12,180,000	15,750,000
Từ 65 – 72 tuổi (*)	Áp dụng cho trường hợp tái tục liên tục, báo phí tùy trường hợp			

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

2.2/ Chăm sóc răng

Lựa chọn	1	2
Phí bảo hiểm	6,300,000	3,150,000

2.3/ Chăm sóc thai sản

LỰA CHỌN	1	2	3	4
Giới hạn lãnh thổ	Vietnam	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
Phí bảo hiểm	6,300,000	11,340,000	18,900,000	20,160,000

2.4/ Chết và tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm/bệnh

Giới hạn lãnh thổ	Việt Nam	Khu vực 3
Phí bảo hiểm	0.2% số tiền BH	0.27% số tiền BH

2.4/ Chết và tàn tật vĩnh viễn do tai nạn

Giới hạn lãnh thổ	Việt Nam	Khu vực 3
Phí bảo hiểm	0.10% số tiền BH	0.135% số tiền BH

IV/ GIỚI HẠN LÃNH THỔ

Theo quy tắc này, giới hạn lãnh thổ này được quy định như sau:

* **Khu vực 1:** Châu Á bao gồm các nước Việt Nam, Brunei, Indonesia, Philippines, Thailand, Campuchia, Myanmar, Singapore, Australia, China, Hongkong, India, Japan, Korea, Macau, New Zealand, Taiwan, India

* **Khu vực 2:** Toàn cầu 1 – bao gồm tất cả các nước trên thế giới trừ Mỹ, Canada, Afghanistan, Bắc Triều Tiên, Congo, Iran, Iraq, Liberia, Somalia, Sudan, Syria, Cuba

* **Khu vực 3:** Toàn cầu 2 - bao gồm tất cả các nước trên thế giới (bao gồm Mỹ, Canada) loại trừ Afghanistan, Bắc Triều Tiên, Congo, Iran, Iraq, Liberia, Somalia, Sudan, Syria, Cuba

V/ THỜI GIAN CHỜ

	Hạng mục	Ngày
<input type="checkbox"/>	Bệnh có sẵn (từ vong+chi phí y tế)	365
<input type="checkbox"/>	Bệnh đặc biệt (từ vong+chi phí y tế)	365
<input type="checkbox"/>	Tử vong do bệnh thông thường	90
<input type="checkbox"/>	Bệnh thông thường	30
<input type="checkbox"/>	Thai sản	270 (từ khi tham gia đến khi sinh)
	Biến chứng thai sản	90
<input type="checkbox"/>	Làm răng giả (lựa chọn)	270

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

Một số định nghĩa quan trọng

ĐỊNH NGHĨA BỆNH ĐẶC BIỆT

Có nghĩa là là những bệnh ung thư và các loại u ác tính, cao hay hạ huyết áp, bệnh tim mạch, viêm loét dạ dày, viêm loét ruột, hen phế quản, viêm đa khớp mãn tính, viêm gan, viêm nội mạc tử cung, bệnh trĩ, lao, sỏi các loại trong hệ thống bài tiết và mật, đục nhân mắt, viêm xoang, đái tháo đường, bệnh liên quan đến hệ thống tạo máu, chạy thận nhân tạo, bệnh thoái hóa các loại, thoát vị/lệch/hep/lồi đĩa đệm cột sống, hỏng các bộ phận nội tạng, khiếm khuyết về học môn tăng trưởng, bệnh Parkinson, bệnh Alzheimer.

ĐỊNH NGHĨA BỆNH CÓ SẴN

Thương tật ốm đau bệnh tật tồn tại hoặc phát triển các triệu chứng hoặc biểu hiện của bệnh tật trước ngày hiệu lực của bảo hiểm mà người được bảo hiểm đã nhận thức được hoặc đáng lẽ phải nhận thức được, dựa trên sự phát triển bệnh lý của bệnh tật được thừa nhận một cách thông thường.

Theo đơn bảo hiểm này, những thương tật/ bệnh tật sau đây luôn được coi là tình trạng y tế có sẵn bất kể phát sinh khi nào: viêm VA cần phải nạo, viên Amidan cần phải cắt, vẹo vách ngăn cần phẫu thuật, rối loạn tiền đình, hen/suyễn, viêm tai giữa phải phẫu thuật, phẫu thuật dây chằng.

VI/ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- ◆ Không chi trả điều trị Đông Y, Y học cổ truyền, lao các loại, viêm gan các loại
- ◆ Không chi trả chết ko rõ nguyên nhân.
- ◆ Không chi trả chi phí phẫu thuật dây chằng năm đầu do mọi nguyên nhân, bất kể tai nạn hay phẫu thuật
- ◆ Hút thai gây mê và các loại nội soi trong ngày thanh toán theo quyền lợi ngoại trú
- ◆ Không chi trả mọi xét nghiệm cúm, sốt có kết quả bình thường
- ◆ Không chi trả các chi phí liên quan đến tai nạn xảy ra trước ngày hiệu lực của hợp đồng
- ◆ Phẫu thuật không bao gồm thủ thuật, và tiểu phẫu, không chi trả các dụng cụ phẫu thuật/điều trị trong danh sách đính kèm
- ◆ Các chi phí phải đồng chi trả
 - Thai sản : 30%
 - Khám chữa răng : 20%
 - Làm răng giả : 50%

(*) *Nguyên tắc đồng chi trả: áp dụng đồng chi trả trên chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm*

VII / QUY TRÌNH THAM GIA BẢO HIỂM

Bước	Chi tiết		
1	Bên mua bảo hiểm điền giấy yêu cầu bảo hiểm sau đó scan/ chụp thật rõ nét cùng với các giấy tờ cá nhân như (CMND cho bố/mẹ + Giấy khai sinh cho con). Sau đó gửi cho VietLife		
2	Sau khi nhận thông tin của Bên mua Bảo hiểm, VietLife sẽ thu xếp giấy chứng nhận bảo hiểm scan để xác nhận hiệu lực bảo hiểm.		
3	<p>Quý khách chuyển phí bảo hiểm vào tài khoản của VietLife</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 1402 1583 660011 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p> </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 0491 0000 64152 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thăng Long <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p> </td> </tr> </table>	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 1402 1583 660011 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 0491 0000 64152 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thăng Long <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p>
<ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 1402 1583 660011 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Số tài khoản : 0491 0000 64152 ◆ Người thụ hưởng: Công ty cổ phần dịch vụ VietLife ◆ Địa chỉ: Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thăng Long <p><u>Cú pháp chuyển tiền</u> THANH TOAN PHI BHSK : --TEN BEN MUA Đồng thời copy lại Lệnh chuyển tiền để VietLife tiện kiểm tra</p>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE